

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2026/TLST-VHNGĐ ngày 24/3/2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Bà Vương Nhật T, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố C, phường N, tỉnh Quảng Trị.

- Ông Trương Tiến V, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố H, phường N, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà Vương Nhật T (bà T), ông Trương Tiến V (ông V) là hợp pháp. Nay, bà T và ông V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu của bà T và ông V là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. *Về con chung:* Vợ chồng bà T và ông V có 02 người con chung là cháu: Trương Bích T1, sinh ngày 12/6/2013 và cháu Trương Bích N, sinh ngày 09/10/2016.

Khi ly hôn, bà T và ông V thống nhất thỏa thuận: Giao cho bà Vương Nhật T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu: Trương Bích T1, sinh ngày 12/6/2013 và cháu Trương Bích N, sinh ngày 09/10/2016.

Ông Trương Tiến V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, với mức 3.000.000 đồng/tháng/2 cháu (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng); Thời gian cấp

dưỡng kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu T1 và cháu Ngọc thành N1, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân.

3. *Về tài sản chung*: Bà T và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. *Về lệ phí Tòa án*: Bà T thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Nhật T và ông Trương Tiến V thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn số: 18 do UBND phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Nay là UBND phường N), cấp ngày 13/02/2014*).

1.2 Về con chung: Giao cho bà Vương Nhật T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trương Bích T1, sinh ngày 12/6/2013 và cháu Trương Bích N, sinh ngày 09/10/2016.

Ông Trương Tiến V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, với mức 3.000.000 đồng/tháng/2 cháu (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng); Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu T1 và cháu Ngọc thành N1, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vương Nhật T và ông Trương Tiến V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Vương Nhật T thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 theo Biên

lai thu số 0001106 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (bà Vương Nhật T đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND phường Nam Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vũ Xuân